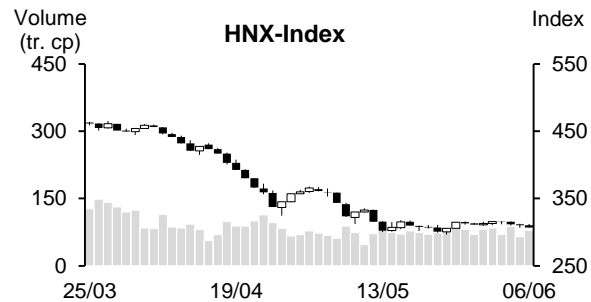
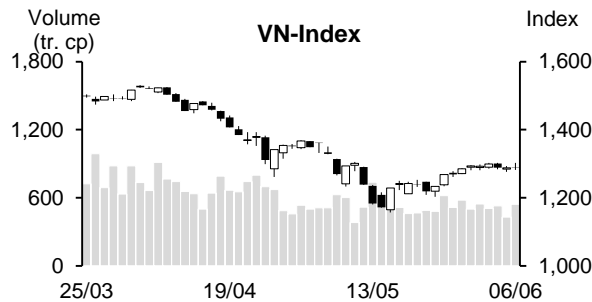


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN NGÀY

07/06/2022

| 06/06/2022 | HOSE | | VN30 | | HNX | |
|--------------------------------|------------------|---------------|-----------------|---------------|-----------------|----------------|
| | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % |
| Giá đóng cửa | 1,290.01 | 0.16% | 1,327.04 | -0.03% | 306.81 | -1.18% |
| Tổng KLGD (tr. cp) | 589.88 | 24.50% | 145.11 | 19.88% | 85.91 | 2.87% |
| KLGD khớp lệnh (tr. cp) | 541.56 | 25.77% | 132.83 | 32.60% | 79.26 | 21.55% |
| TB 20 phiên (tr. cp) | 524.76 | 3.20% | 142.86 | -7.02% | 76.09 | 4.16% |
| Tổng GTGD (tỷ VND) | 16,942.09 | 31.21% | 5,881.97 | 22.25% | 1,873.77 | -15.08% |
| GTGD khớp lệnh (tỷ VND) | 15,299.01 | 30.63% | 5,151.72 | 28.00% | 1,709.00 | 11.92% |
| TB 20 phiên (tỷ VND) | 13,628.74 | 12.26% | 5,273.26 | -2.30% | 1,658.96 | 3.02% |
| | Tỷ trọng % | | Tỷ trọng % | | Tỷ trọng % | |
| Số mã tăng | 141 | 28% | 11 | 37% | 74 | 30% |
| Số mã giảm | 315 | 62% | 16 | 53% | 116 | 48% |
| Số mã đứng giá | 53 | 10% | 3 | 10% | 53 | 22% |



ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chưa thể thoát khỏi tình trạng giằng co trong phiên giao dịch ngày đầu tuần. Sau những rung lắc đầu phiên, các chỉ số nhanh chóng khởi sắc với tâm điểm là sự bứt phá của nhóm cổ phiếu đầu khí, cùng một số Bluechips tăng giá tốt như VCB, PNJ, MWG,... Bên cạnh đó, điện, phân bón cũng là những nhóm ngành có lực cầu mua vào tương đối mạnh. Đã có thời điểm VN-Index vượt qua mức 1,300 điểm trong đầu phiên chiều, tuy nhiên một lần nữa chỉ số lại lỡ hẹn khi kết thúc phiên. Lực bán ồ ạt được kích hoạt khiến nhiều cổ phiếu đảo chiều giảm trở lại. Các cổ phiếu bất động sản, xây dựng bị bán sàn hàng loạt trong khi nhóm thủy sản, dệt may cũng bị chốt lời mạnh. Qua đó, VN-Index chốt phiên với tình trạng “xanh vỏ đỏ lòng”.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm nhẹ trở lại. Khối lượng giao dịch trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn ở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số duy trì được đóng cửa trên MA20, cùng với MACD vẫn giữ được trạng thái hướng lên, cho thấy nhịp phục hồi vẫn đang tiếp diễn. Tuy nhiên, chỉ số hình thành nền tăng dạng Doji, và chỉ số vẫn chưa vượt qua được MA5, cho tín hiệu giằng co và lưỡng lự trước ngưỡng kháng cự tâm lý 1,300 điểm. Do đó, trong trường hợp chỉ số không sớm cho tín hiệu bứt phá qua khu vực tâm lý trên thì áp lực chốt lời sẽ xuất hiện, và chỉ số có thể chịu sức ép giảm về lại khu vực hỗ trợ gần quanh 1,258 điểm (MA20). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tiêu cực hơn. Chỉ số có phiên giảm thứ tư liên tiếp và duy trì đóng cửa dưới MA20, cho thấy áp lực giảm vẫn đang hiện hữu. Chỉ số có thể chịu sức ép về lại khu vực hỗ trợ tâm lý quanh 300 điểm. Nhìn chung, thị trường vẫn chịu nhiều áp lực trước các ngưỡng kháng cự quan trọng. Do đó, nhà đầu tư nên quan sát thận trọng và cần cân nhắc kỹ trước khi mở các vị thế mua đuổi giá cao.

Cổ phiếu khuyến nghị: BCC (Chốt lời)

Cổ phiếu quan sát: LTG, VEA

(Xem chi tiết ở trang 2)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|-------------------|
| 1 | BCC | Chốt lời | 07/06/22 | 16.7 | 16.5 | 1.2% | 19 | 15.2% | 15.6 | -5.5% | Đà tăng chững lại |

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Kháng cự | Tín hiệu kỹ thuật |
|-----|-------|--------------|------------------|--------------|----------|---|
| 1 | LTG | Quan sát mua | 07/06/22 | 40.3 | 44-46 | Nền tăng mạnh break trendline giảm và MA50 kèm vol tăng cao dần -> khả năng có thể tiếp tục hồi về quanh đỉnh cũ, có thể canh mua trong vùng 39.2-39.6 |
| 2 | VEA | Quan sát mua | 07/06/22 | 46.7 | 50-52 | Nền tăng mạnh kèm vol cao trở lại sau giai đoạn tích lũy cận vol và vượt được MA50 -> khả năng có thể tiếp tục hồi về quanh đỉnh cũ, có thể canh mua quanh 46 |

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---------|
| 1 | VHM | Nắm giữ | 19/05/22 | 69.3 | 64.9 | 6.8% | 76.1 | 17.3% | 62.5 | -3.7% | |

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

Khởi sắc như ngành gỗ: Xuất khẩu có thể đạt 18 tỷ USD

Theo Hiệp hội Gỗ và Lâm sản (Vifores), kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ 4 tháng đầu năm 2022 đạt 5,48 tỷ USD, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2021. Dự báo, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong nửa đầu năm 2022 tăng từ 5% đến 8%...

Tính riêng tháng 4, số liệu của Tổng cục Hải quan cho biết kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,5 tỷ USD, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong số này, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 1,13 tỷ USD, tăng 6,4% so với cùng kỳ năm trước. Những con số về kết quả xuất khẩu trong tháng 4 là rất đáng mừng, bởi xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tháng 3/2022 giảm 5,9% so với tháng 3/2021.

Trong 4 tháng qua, Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu đồ gỗ lớn nhất của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Mỹ ước đạt 3,3 tỷ USD, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2021 và chiếm 60,4% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam.

Ông Đỗ Xuân Lập, Chủ tịch Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (Vifores), cho rằng ngành gỗ hoàn toàn có thể đạt mức 17,5 - 18 tỷ USD như mục tiêu mà ngành đặt ra cho năm 2022.

Thông đốc: Nợ xấu bất động sản 37.000 tỷ đồng, thanh kiểm tra các hồ sơ tín dụng

Tính đến cuối tháng 4, số liệu NHNN cho thấy, tổng dư nợ đối với lĩnh vực bất động sản của các tổ chức tín dụng đạt hơn 2,288 triệu tỷ đồng, tăng 10,19% so với cuối năm 2021 và chiếm tỷ trọng 20,44% tổng dư nợ nền kinh tế. Trong đó, tỷ lệ nợ xấu là 1,62%, khoảng 37.000 tỷ đồng.

Cơ quan này cho rằng, lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản là một trong các lĩnh vực rủi ro đối với hoạt động ngân hàng, cần có các giải pháp kiểm soát giải pháp. Một trong số các giải pháp là phải tăng cường thanh tra, tập trung vào các hồ sơ tín dụng lĩnh vực bất động sản của tổ chức tín dụng.

Xuất khẩu tôm sang thị trường Australia tăng kỷ lục

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), Australia là thị trường nhập khẩu lớn thứ 7 của tôm Việt Nam, chiếm tỷ trọng 5% tổng giá trị nhập khẩu tôm của Việt Nam trong năm 2021.

Năm 2022, xuất khẩu tôm Việt Nam sang Australia ghi nhận mức tăng trưởng khá cao. Australia đã vượt qua Anh, vươn lên vị trí thứ 6 về nhập khẩu tôm của Việt Nam với tỷ trọng tăng lên 7%.

Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Thế giới, nhập khẩu tôm của Australia trong quý đầu năm 2022 đạt gần 100 triệu USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm ngoái. Từ đầu năm 2021 đến nay, nhập khẩu tôm vào Australia ghi nhận tăng trưởng liên tục.

Việt Nam là nguồn cung tôm lớn nhất cho Australia, chiếm 72% tổng giá trị nhập khẩu tôm của thị trường này.

Nguồn: NDH

Tin doanh nghiệp niêm yết

Gilimex trình kế hoạch lợi nhuận giảm 24%, tỷ lệ cổ tức 15-30%

CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (Gilimex - HoSE:GIL) công bố tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm nay. Cuộc họp sẽ tổ chức ngày 26/6.

Năm nay, Gilimex đặt kế hoạch doanh thu đạt 4.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất 250 tỷ đồng, lần lượt giảm 3,6% và 24,4% so với thực hiện cùng kỳ. Tỷ lệ cổ tức năm nay dự kiến trong khoảng 15% đến 30%.

Năm ngoái, đơn vị ghi nhận doanh thu tăng 20,1% lên 4.150,3 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế tăng 6,9% lên 330,6 tỷ đồng. Về phương án phân phối lợi nhuận năm trước, Gilimex dự kiến sẽ trả cổ tức tổng tỷ lệ 25%, với 10% tiền mặt và 15% cổ phiếu.

HDQT đề xuất phát hành thông qua đại lý 100 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ không chuyển. Số trái phiếu này sẽ được chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, và bị hạn chế giao dịch trong vòng một năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Mục đích phát hành là để bổ sung nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh trung và dài hạn.

Điện Gia Lai chốt quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 6%

CTCP Điện Gia Lai (HoSE:GEG) thông báo ngày 17/6 là ngày đăng ký cuối cùng để thanh toán cổ tức năm trước bằng cổ phiếu. Doanh nghiệp dự kiến phát hành 18,2 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm trước. Tỷ lệ thực hiện 6%. Sau phát hành, vốn điều lệ sẽ tăng từ 3.037,2 tỷ đồng lên 3.219,4 tỷ đồng.

Kết thúc quý I, doanh thu thuần đạt 570,2 tỷ đồng, tăng 87,1% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán điện tăng 90,6% lên 568,9 tỷ đồng, giá vốn hàng bán cũng tăng 71,9% đạt gần 223 tỷ đồng do từ quý IV/2021 các nhà máy điện gió mới đã đi vào vận hành thương mại. Lợi nhuận sau thuế gấp 2,3 lần, đạt 173,6 tỷ đồng.

Tại đại hội cổ đông thường niên năm nay, Điện Gia Lai thông qua kế hoạch tổng doanh thu đạt 2.073 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế 400 tỷ đồng, lần lượt tăng 37% và 8,4% so với thực hiện năm 2021. Như vậy quý I đơn vị này đã hoàn thành 27,5% kế hoạch doanh thu và 46% chỉ tiêu lợi nhuận năm.

Điện Gia Lai cũng đề xuất phát hành 9,1 triệu cổ phiếu ESOP cho cán bộ công nhân viên với giá 11.000 đồng/cp. Số lượng ESOP mới tương với 3% số đang lưu hành và bị hạn chế chuyển nhượng trong một năm.

PV Drilling niêm yết bổ sung hơn 84 triệu cổ phiếu

Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM đã chấp thuận cho Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling – [HoSE:PVD](#)) niêm yết bổ sung hơn 84,2 triệu cổ phiếu từ ngày 7/6, nâng lượng chứng khoán niêm yết từ 421,5 triệu đơn vị lên gần 505,8 triệu đơn vị.

Đây là lượng cổ phiếu đơn vị phát hành để trả cổ tức năm 2019 và 2020 với tỷ lệ 20%. Sau phát hành, vốn điều lệ công ty tăng từ 4.215,5 tỷ đồng lên 5.057,7 tỷ đồng.

Năm 2022, công lên kế hoạch doanh thu hợp nhất 4.700 tỷ đồng, tăng trưởng 9% và không thua lỗ.

Kết thúc quý I, PV Drilling ghi nhận doanh thu gấp đôi lên 1.146 tỷ đồng, hoàn thành 24,4% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ âm 56 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lỗ 104 tỷ đồng.

Nguồn: NDH

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Thống kê giao dịch khớp lệnh

TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX

| HOSE | | | |
|-------|-------------------|---------------|---------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | Thay đổi % | Tác động % |
| GAS | 129,900 | 4.59% | 0.21% |
| VCB | 79,700 | 2.84% | 0.20% |
| MSN | 117,000 | 3.72% | 0.12% |
| SAB | 158,500 | 2.13% | 0.04% |
| PLX | 44,900 | 3.22% | 0.03% |

| HNX | | | |
|-------|-------------------|---------------|---------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | Thay đổi % | Tác động % |
| DTK | 13,400 | 9.84% | 0.23% |
| NVB | 37,500 | 1.35% | 0.08% |
| PVS | 31,500 | 0.96% | 0.04% |
| CDN | 28,700 | 4.36% | 0.03% |
| MBS | 22,500 | 1.35% | 0.02% |

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

| HOSE | | | |
|-------|-------------------|---------------|---------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | Thay đổi % | Tác động % |
| NVL | 76,300 | -1.55% | -0.05% |
| BCM | 69,300 | -3.08% | -0.04% |
| PGV | 30,000 | -5.66% | -0.04% |
| DIG | 53,200 | -6.99% | -0.04% |
| TPB | 30,700 | -3.61% | -0.04% |

| HNX | | | |
|-------|-------------------|---------------|---------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | Thay đổi % | Tác động % |
| IDC | 50,100 | -4.93% | -0.21% |
| CEO | 40,100 | -6.31% | -0.19% |
| PTI | 56,500 | -9.60% | -0.13% |
| VIF | 16,400 | -6.29% | -0.11% |
| THD | 40,200 | -2.43% | -0.10% |

TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH

| HOSE | | | |
|-------|-------------------|---------------|---------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | Thay đổi % | KL KL (cp) |
| POW | 13,800 | 2.22% | 24,932,300 |
| DXG | 23,250 | -7.00% | 19,792,500 |
| HPG | 33,300 | -0.30% | 17,769,400 |
| STB | 20,500 | -3.07% | 17,162,600 |
| FLC | 5,210 | -6.96% | 15,698,500 |

| HNX | | | |
|-------|-------------------|---------------|---------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | Thay đổi % | KL KL (cp) |
| PVS | 31,500 | 0.96% | 13,869,008 |
| SHS | 17,900 | -1.65% | 8,095,522 |
| KLF | 3,600 | -7.69% | 7,203,013 |
| ART | 5,300 | -8.62% | 3,689,819 |
| HUT | 30,700 | -2.85% | 3,559,961 |

TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH

| HOSE | | | |
|-------|-------------------|---------------|-------------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | Thay đổi % | GT KL (tỷ VND) |
| HPG | 33,300 | -0.30% | 599.4 |
| DGC | 118,100 | 2.61% | 558.0 |
| DPM | 67,500 | 5.63% | 525.6 |
| GMD | 59,800 | 2.22% | 473.3 |
| DXG | 23,250 | -7.00% | 472.6 |

| HNX | | | |
|-------|-------------------|---------------|-------------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | Thay đổi % | GT KL (tỷ VND) |
| PVS | 31,500 | 0.96% | 446.9 |
| CEO | 40,100 | -6.31% | 148.6 |
| SHS | 17,900 | -1.65% | 148.0 |
| HUT | 30,700 | -2.85% | 113.5 |
| TNG | 29,200 | 0.69% | 93.1 |

Thống kê giao dịch thỏa thuận

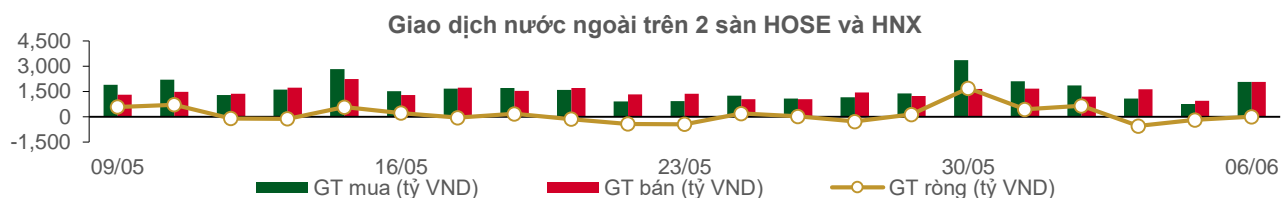
TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN

| HOSE | | |
|-------|-----------------------|---------------------------|
| Mã CK | KL thỏa thuận (cp) | GT thỏa thuận (tỷ VND) |
| NVL | 3,077,335 | 234.69 |
| VIB | 8,296,900 | 216.07 |
| SHB | 12,670,360 | 185.04 |
| TDM | 3,261,000 | 124.90 |
| FPT | 759,200 | 91.80 |

| HNX | | |
|-------|-----------------------|---------------------------|
| Mã CK | KL thỏa thuận (cp) | GT thỏa thuận (tỷ VND) |
| THD | 3,512,000 | 130.30 |
| NVB | 535,000 | 21.77 |
| KSQ | 2,500,000 | 9.50 |
| HUT | 90,000 | 2.57 |
| BNA | 20,000 | 0.64 |

Thống kê giao dịch khối ngoại

| Sàn GD | KL nước ngoài mua (tr. cp) | GT nước ngoài mua (tỷ VND) | KL nước ngoài bán (tr. cp) | GT nước ngoài bán (tỷ VND) | KL mua/bán ròng (tr. cp) | GT mua/bán ròng (tỷ VND) |
|-------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| HOSE | 46.01 | 2,078.77 | 48.70 | 2,024.42 | (2.69) | 54.36 |
| HNX | 0.29 | 5.15 | 1.42 | 46.21 | (1.13) | (41.06) |
| Tổng 2 sàn | 46.30 | 2,083.92 | 50.12 | 2,070.63 | (3.83) | 13.30 |



TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

| HOSE | | | |
|----------|----------------|-------------|-----------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | KL mua (cp) | GT mua (tỷ VND) |
| DPM | 67,500 | 4,585,500 | 306.98 |
| GAS | 129,900 | 1,562,700 | 202.41 |
| DCM | 43,250 | 4,599,600 | 197.54 |
| MSN | 117,000 | 1,346,700 | 152.99 |
| FUEVFVND | 28,800 | 4,295,400 | 124.44 |

| HNX | | | |
|-------|----------------|-------------|-----------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | KL mua (cp) | GT mua (tỷ VND) |
| TNG | 29,200 | 81,000 | 2.40 |
| NVB | 37,500 | 13,800 | 0.51 |
| KLF | 3,600 | 110,100 | 0.40 |
| IDC | 50,100 | 6,800 | 0.36 |
| TA9 | 15,900 | 17,700 | 0.28 |

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

| HOSE | | | |
|-------|----------------|-------------|-----------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | KL bán (cp) | GT bán (tỷ VND) |
| GAS | 129,900 | 1,570,000 | 202.49 |
| HPG | 33,300 | 4,195,200 | 141.12 |
| GMD | 59,800 | 1,916,100 | 116.74 |
| STB | 20,500 | 5,233,700 | 109.38 |
| MSN | 117,000 | 944,800 | 106.10 |

| HNX | | | |
|-------|----------------|-------------|-----------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | KL bán (cp) | GT bán (tỷ VND) |
| PVS | 31,500 | 1,201,100 | 38.52 |
| THD | 40,200 | 81,800 | 3.32 |
| PLC | 29,800 | 56,000 | 1.71 |
| PTI | 56,500 | 16,800 | 0.95 |
| TNG | 29,200 | 14,200 | 0.42 |

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

| HOSE | | | |
|----------|----------------|--------------|------------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | KL ròng (cp) | GT ròng (tỷ VND) |
| DPM | 67,500 | 2,997,600 | 201.71 |
| DCM | 43,250 | 2,581,600 | 112.13 |
| FUEVFVND | 28,800 | 3,164,000 | 91.52 |
| MSN | 117,000 | 401,900 | 46.89 |
| CTG | 27,200 | 1,570,300 | 43.00 |

| HNX | | | |
|-------|----------------|--------------|------------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | KL ròng (cp) | GT ròng (tỷ VND) |
| TNG | 29,200 | 66,800 | 1.98 |
| NVB | 37,500 | 13,700 | 0.51 |
| KLF | 3,600 | 110,100 | 0.40 |
| IDC | 50,100 | 6,800 | 0.36 |
| TA9 | 15,900 | 17,700 | 0.28 |

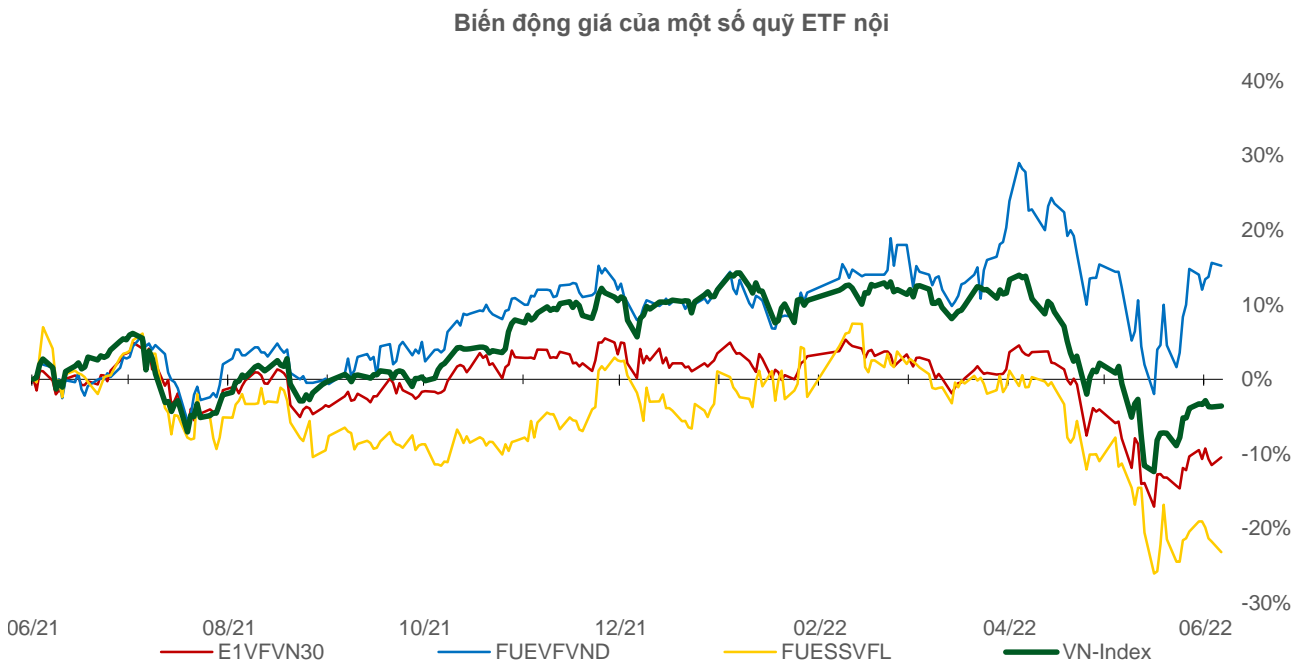
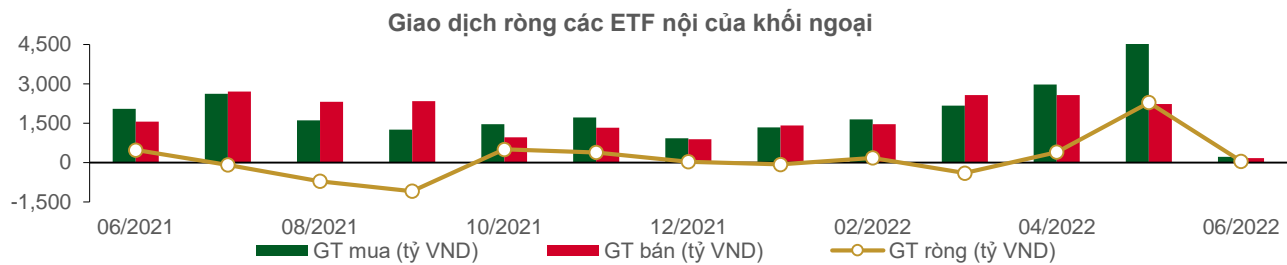
TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

| HOSE | | | |
|-------|----------------|--------------|------------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | KL ròng (cp) | GT ròng (tỷ VND) |
| HPG | 33,300 | (3,003,500) | (101.06) |
| STB | 20,500 | (4,023,400) | (84.00) |
| GMD | 59,800 | (1,326,800) | (80.74) |
| DXG | 23,250 | (2,342,600) | (56.60) |
| NVL | 76,300 | (501,602) | (38.30) |

| HNX | | | |
|-------|----------------|--------------|------------------|
| Mã CK | Đóng cửa (VND) | KL ròng (cp) | GT ròng (tỷ VND) |
| PVS | 31,500 | (1,199,900) | (38.48) |
| THD | 40,200 | (81,800) | (3.32) |
| PLC | 29,800 | (53,000) | (1.62) |
| PTI | 56,500 | (16,800) | (0.95) |
| HUT | 30,700 | (8,500) | (0.28) |

Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

| THỐNG KÊ GIÁ | | | | | MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI | | | |
|------------------|-----------------|-----------------|------------------|------------------|------------------------|--------------------|--------------------|---------------------|
| Mã CK | Đóng cửa VND | Thay đổi (%) | KLGD (cp) | GTGD (tỷ VND) | Mã CK | GT mua (tỷ VND) | GT bán (tỷ VND) | GT ròng (tỷ VND) |
| E1VFN30 | 22,350 | 1.1% | 529,100 | 11.80 | E1VFN30 | 0.63 | 10.66 | (10.03) |
| FUEMAV30 | 15,600 | -0.3% | 10,000 | 0.16 | FUEMAV30 | 0.05 | 0.07 | (0.01) |
| FUESSV30 | 16,360 | -1.4% | 15,200 | 0.25 | FUESSV30 | 0.00 | 0.12 | (0.12) |
| FUESSV50 | 19,000 | -2.2% | 19,700 | 0.39 | FUESSV50 | 0.00 | 0.07 | (0.07) |
| FUESSVFL | 17,090 | -1.8% | 32,200 | 0.56 | FUESSVFL | 0.02 | 0.39 | (0.37) |
| FUEVFN30 | 28,800 | -0.3% | 4,511,600 | 130.72 | FUEVFN30 | 124.44 | 32.92 | 91.52 |
| FUEVN100 | 16,800 | -1.5% | 70,600 | 1.20 | FUEVN100 | 0.51 | 0.92 | (0.41) |
| FUEIP100 | 9,500 | 0.1% | 58,700 | 0.56 | FUEIP100 | 0.00 | 0.00 | 0.00 |
| FUEKIV30 | 8,650 | 0.7% | 52,200 | 0.45 | FUEKIV30 | 0.22 | 0.22 | 0.00 |
| Tổng cộng | | | 5,299,300 | 146.08 | Tổng cộng | 125.88 | 45.37 | 80.51 |



Thông kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

| Mã chứng quyền (*) | Giá đóng cửa (VND) | Thay đổi (%) | KL chứng quyền khớp lệnh | Số ngày hạn | Giá CKCS (VND) | Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**) | Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND) | Giá thực hiện quyền (VND) | Tỷ lệ chuyển đổi n:1 | Ngày đáo hạn |
|--------------------|--------------------|--------------|--------------------------|-------------|----------------|--|--------------------------------------|---------------------------|----------------------|--------------|
| CACB2102 | 220 | -4.4% | 34,900 | 25 | 25,300 | 69 | (151) | 28,020 | 1.6 | 01/07/2022 |
| CACB2201 | 650 | -3.0% | 25,180 | 106 | 25,300 | 214 | (436) | 28,420 | 3.2 | 20/09/2022 |
| CACB2202 | 20 | -33.3% | 18,780 | 3 | 25,300 | 0 | (20) | 28,100 | 2.4 | 09/06/2022 |
| CACB2203 | 1,630 | 3.8% | 4,080 | 135 | 25,300 | 634 | (996) | 26,420 | 2.4 | 19/10/2022 |
| CACB2204 | 2,160 | 5.9% | 3,360 | 154 | 25,300 | 1,141 | (1,019) | 26,020 | 1.6 | 07/11/2022 |
| CFPT2108 | 2,250 | 0.0% | 5,970 | 30 | 113,000 | 1,257 | (993) | 106,830 | 6.0 | 06/07/2022 |
| CFPT2201 | 2,140 | -4.0% | 63,210 | 106 | 113,000 | 1,381 | (759) | 106,000 | 8.0 | 20/09/2022 |
| CFPT2202 | 2,470 | 0.0% | 31,740 | 18 | 113,000 | 2,341 | (129) | 89,700 | 10.0 | 24/06/2022 |
| CFPT2203 | 5,790 | -0.2% | 84,660 | 56 | 113,000 | 4,648 | (1,142) | 95,000 | 4.0 | 01/08/2022 |
| CHDB2201 | 460 | -8.0% | 13,160 | 107 | 25,300 | 103 | (357) | 31,000 | 5.0 | 21/09/2022 |
| CHDB2202 | 20 | -50.0% | 7,470 | 3 | 25,300 | 0 | (20) | 30,500 | 3.0 | 09/06/2022 |
| CHDB2203 | 390 | -11.4% | 17,110 | 70 | 25,300 | 113 | (277) | 28,890 | 5.0 | 15/08/2022 |
| CHDB2204 | 500 | -12.3% | 780 | 112 | 25,300 | 241 | (259) | 31,500 | 2.0 | 26/09/2022 |
| CHDB2205 | 810 | -4.7% | 7,670 | 136 | 25,300 | 340 | (470) | 27,110 | 5.0 | 20/10/2022 |
| CHPG2116 | 100 | 0.0% | 1,370 | 30 | 33,300 | 0 | (100) | 61,410 | 4.0 | 06/07/2022 |
| CHPG2117 | 20 | -50.0% | 86,400 | 25 | 33,300 | 0 | (20) | 60,000 | 5.0 | 01/07/2022 |
| CHPG2201 | 220 | -12.0% | 11,870 | 137 | 33,300 | 10 | (210) | 49,670 | 10.0 | 21/10/2022 |
| CHPG2202 | 250 | -3.9% | 310 | 107 | 33,300 | 1 | (249) | 53,890 | 10.0 | 21/09/2022 |
| CHPG2203 | 210 | -16.0% | 12,550 | 106 | 33,300 | 6 | (204) | 51,500 | 4.0 | 20/09/2022 |
| CHPG2204 | 30 | -57.1% | 31,400 | 18 | 33,300 | 0 | (30) | 44,500 | 5.0 | 24/06/2022 |
| CHPG2206 | 140 | -6.7% | 10,340 | 70 | 33,300 | 1 | (139) | 48,890 | 10.0 | 15/08/2022 |
| CHPG2207 | 290 | -9.4% | 2,560 | 112 | 33,300 | 10 | (280) | 51,500 | 3.0 | 26/09/2022 |
| CHPG2208 | 770 | -2.5% | 47,670 | 123 | 33,300 | 148 | (622) | 40,000 | 5.0 | 07/10/2022 |
| CHPG2209 | 180 | -10.0% | 44,340 | 77 | 33,300 | 7 | (173) | 45,560 | 8.0 | 22/08/2022 |
| CHPG2210 | 310 | -8.8% | 22,750 | 136 | 33,300 | 19 | (291) | 47,780 | 8.0 | 20/10/2022 |
| CHPG2211 | 490 | 0.0% | 62,200 | 135 | 33,300 | 80 | (410) | 44,500 | 4.0 | 19/10/2022 |
| CKDH2201 | 230 | 0.0% | 24,220 | 121 | 40,650 | 8 | (222) | 61,620 | 8.0 | 05/10/2022 |
| CKDH2202 | 80 | 0.0% | 4,830 | 18 | 40,650 | 0 | (80) | 52,000 | 4.0 | 24/06/2022 |
| CKDH2203 | 130 | -13.3% | 50,140 | 42 | 40,650 | 2 | (128) | 57,000 | 2.0 | 18/07/2022 |
| CKDH2204 | 220 | 4.8% | 9,830 | 70 | 40,650 | 13 | (207) | 53,330 | 8.0 | 15/08/2022 |
| CKDH2205 | 220 | 0.0% | 2,730 | 112 | 40,650 | 39 | (181) | 58,000 | 3.0 | 26/09/2022 |
| CKDH2206 | 320 | -8.6% | 17,620 | 106 | 40,650 | 39 | (281) | 53,000 | 8.0 | 20/09/2022 |
| CKDH2207 | 790 | -1.3% | 60 | 154 | 40,650 | 255 | (535) | 50,000 | 4.0 | 07/11/2022 |
| CMBB2201 | 1,460 | -7.0% | 31,150 | 106 | 27,250 | 587 | (873) | 29,500 | 2.0 | 20/09/2022 |
| CMBB2203 | 370 | -9.8% | 1,570 | 112 | 27,250 | 109 | (261) | 35,500 | 2.0 | 26/09/2022 |
| CMBB2204 | 1,420 | 0.7% | 10 | 154 | 27,250 | 579 | (841) | 31,000 | 2.0 | 07/11/2022 |
| CMSN2201 | 590 | 3.5% | 78,650 | 107 | 117,000 | 153 | (437) | 141,720 | 16.7 | 21/09/2022 |
| CMSN2202 | 870 | 1.2% | 29,580 | 123 | 117,000 | 776 | (94) | 127,550 | 8.3 | 07/10/2022 |
| CMSN2203 | 540 | 3.9% | 42,760 | 77 | 117,000 | 227 | (313) | 126,790 | 20.0 | 22/08/2022 |
| CMSN2204 | 1,740 | 4.2% | 28,490 | 154 | 117,000 | 1,210 | (530) | 116,500 | 10.0 | 07/11/2022 |
| CMWG2201 | 2,960 | 2.1% | 36,490 | 106 | 154,700 | 2,392 | (568) | 134,500 | 10.0 | 20/09/2022 |
| CMWG2202 | 2,910 | 11.9% | 73,550 | 56 | 154,700 | 2,290 | (620) | 145,000 | 6.0 | 01/08/2022 |
| CMWG2203 | 2,470 | 14.9% | 3,910 | 112 | 154,700 | 2,156 | (314) | 148,000 | 7.0 | 26/09/2022 |
| CMWG2204 | 2,150 | 7.5% | 26,350 | 123 | 154,700 | 1,742 | (408) | 145,000 | 10.0 | 07/10/2022 |
| CMWG2205 | 2,250 | -0.9% | 1,010 | 154 | 154,700 | 1,328 | (922) | 155,500 | 10.0 | 07/11/2022 |
| CNVL2201 | 350 | -2.8% | 17,750 | 121 | 76,300 | 30 | (320) | 93,980 | 20.0 | 05/10/2022 |
| CNVL2202 | 460 | -8.0% | 8,070 | 70 | 76,300 | 139 | (321) | 80,000 | 16.0 | 15/08/2022 |
| CNVL2203 | 500 | -3.9% | 610 | 112 | 76,300 | 127 | (373) | 92,500 | 5.0 | 26/09/2022 |
| CNVL2204 | 440 | -6.4% | 420 | 106 | 76,300 | 91 | (349) | 86,000 | 16.0 | 20/09/2022 |
| CPDR2201 | 550 | 1.9% | 13,830 | 121 | 53,700 | 13 | (537) | 83,080 | 3.7 | 05/10/2022 |
| CPDR2202 | 230 | -8.0% | 50,180 | 70 | 53,700 | 18 | (212) | 67,610 | 11.7 | 15/08/2022 |
| CPDR2203 | 470 | 2.2% | 11,710 | 106 | 53,700 | 67 | (403) | 66,000 | 10.0 | 20/09/2022 |

| Mã chứng quyền (*) | Giá đóng cửa (VND) | Thay đổi (%) | KL chứng quyền khớp lệnh | Số ngày tới hạn | Giá CKCS (VND) | Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**) | Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND) | Giá thực hiện quyền (VND) | Tỷ lệ chuyển đổi n:1 | Ngày đáo hạn |
|--------------------|--------------------|--------------|--------------------------|-----------------|----------------|--|--------------------------------------|---------------------------|----------------------|--------------|
| CPNJ2201 | 4,450 | 7.5% | 23,510 | 106 | 125,000 | 3,903 | (547) | 94,960 | 8.0 | 20/09/2022 |
| CPOW2201 | 180 | 0.0% | 32,920 | 39 | 13,800 | 23 | (157) | 16,670 | 5.0 | 15/07/2022 |
| CPOW2202 | 450 | 9.8% | 157,990 | 162 | 13,800 | 108 | (342) | 18,000 | 5.0 | 15/11/2022 |
| CPOW2203 | 1,050 | -3.7% | 34,740 | 91 | 13,800 | 313 | (737) | 15,700 | 2.0 | 05/09/2022 |
| CSTB2201 | 230 | -20.7% | 10,330 | 107 | 20,500 | 23 | (207) | 29,890 | 5.0 | 21/09/2022 |
| CSTB2202 | 630 | -3.1% | 4,770 | 106 | 20,500 | 63 | (567) | 29,500 | 2.0 | 20/09/2022 |
| CSTB2203 | 10 | 0.0% | 63,460 | 3 | 20,500 | 0 | (10) | 34,800 | 3.0 | 09/06/2022 |
| CSTB2205 | 110 | -8.3% | 3,190 | 70 | 20,500 | 0 | (110) | 34,570 | 8.0 | 15/08/2022 |
| CSTB2206 | 170 | -5.6% | 570 | 112 | 20,500 | 5 | (165) | 37,500 | 2.0 | 26/09/2022 |
| CSTB2207 | 200 | -16.7% | 50,580 | 77 | 20,500 | 14 | (186) | 28,890 | 5.0 | 22/08/2022 |
| CSTB2208 | 300 | -11.8% | 67,590 | 136 | 20,500 | 38 | (262) | 30,110 | 5.0 | 20/10/2022 |
| CSTB2209 | 440 | -12.0% | 140 | 135 | 20,500 | 36 | (404) | 32,000 | 3.0 | 19/10/2022 |
| CSTB2210 | 500 | -16.7% | 40,760 | 154 | 20,500 | 185 | (315) | 28,500 | 2.0 | 07/11/2022 |
| CTCB2112 | 20 | -33.3% | 41,850 | 25 | 36,050 | 0 | (20) | 55,000 | 5.0 | 01/07/2022 |
| CTCB2201 | 270 | -3.6% | 11,250 | 106 | 36,050 | 6 | (264) | 55,000 | 4.0 | 20/09/2022 |
| CTCB2202 | 20 | 0.0% | 12,150 | 3 | 36,050 | 0 | (20) | 52,000 | 5.0 | 09/06/2022 |
| CTCB2203 | 160 | -20.0% | 28,110 | 56 | 36,050 | 2 | (158) | 52,000 | 2.0 | 01/08/2022 |
| CTCB2204 | 620 | -1.6% | 4,460 | 123 | 36,050 | 100 | (520) | 45,000 | 5.0 | 07/10/2022 |
| CTCB2205 | 790 | -3.7% | 1,320 | 135 | 36,050 | 86 | (704) | 46,500 | 5.0 | 19/10/2022 |
| CTCB2206 | 780 | -3.7% | 11,790 | 154 | 36,050 | 238 | (542) | 43,500 | 4.0 | 07/11/2022 |
| CTPB2201 | 290 | -6.5% | 5,010 | 106 | 30,700 | 79 | (211) | 42,000 | 4.0 | 20/09/2022 |
| CTPB2202 | 140 | -26.3% | 57,830 | 42 | 30,700 | 12 | (128) | 42,000 | 2.0 | 18/07/2022 |
| CVHM2113 | 50 | 0.0% | 26,290 | 25 | 69,300 | 0 | (50) | 87,450 | 4.9 | 01/07/2022 |
| CVHM2115 | 270 | -6.9% | 15,100 | 72 | 69,300 | 7 | (263) | 91,330 | 9.7 | 17/08/2022 |
| CVHM2201 | 340 | 0.0% | 27,920 | 107 | 69,300 | 37 | (303) | 85,190 | 15.5 | 21/09/2022 |
| CVHM2202 | 270 | -10.0% | 3,090 | 106 | 69,300 | 32 | (238) | 90,360 | 7.8 | 20/09/2022 |
| CVHM2203 | 130 | -7.1% | 92,150 | 18 | 69,300 | 2 | (128) | 80,640 | 9.7 | 24/06/2022 |
| CVHM2204 | 270 | -3.6% | 82,820 | 56 | 69,300 | 121 | (149) | 79,670 | 3.9 | 01/08/2022 |
| CVHM2205 | 360 | -5.3% | 30,500 | 70 | 69,300 | 77 | (283) | 76,650 | 15.5 | 15/08/2022 |
| CVHM2206 | 290 | -9.4% | 2,950 | 112 | 69,300 | 163 | (127) | 83,560 | 4.9 | 26/09/2022 |
| CVHM2207 | 1,370 | -6.2% | 1,120 | 135 | 69,300 | 566 | (804) | 70,930 | 7.8 | 19/10/2022 |
| CVHM2208 | 1,550 | -2.5% | 3,280 | 154 | 69,300 | 858 | (692) | 67,040 | 7.8 | 07/11/2022 |
| CVIC2201 | 470 | 0.0% | 0 | 107 | 78,500 | 11 | (459) | 103,980 | 16.0 | 21/09/2022 |
| CVIC2202 | 560 | 3.7% | 3,670 | 70 | 78,500 | 151 | (409) | 82,220 | 16.0 | 15/08/2022 |
| CVIC2203 | 740 | -2.6% | 19,160 | 123 | 78,500 | 251 | (489) | 86,000 | 10.0 | 07/10/2022 |
| CVIC2204 | 560 | -3.5% | 13,500 | 77 | 78,500 | 140 | (420) | 83,330 | 16.0 | 22/08/2022 |
| CVIC2205 | 710 | -2.7% | 3,710 | 136 | 78,500 | 162 | (548) | 86,670 | 16.0 | 20/10/2022 |
| CVIC2206 | 800 | -9.1% | 7,570 | 105 | 78,500 | 321 | (479) | 82,500 | 10.0 | 19/09/2022 |
| CVJC2201 | 290 | 0.0% | 10,300 | 70 | 127,600 | 9 | (281) | 160,000 | 20.0 | 15/08/2022 |
| CVJC2202 | 440 | 2.3% | 50,230 | 106 | 127,600 | 39 | (401) | 156,790 | 20.0 | 20/09/2022 |
| CVNM2201 | 340 | -8.1% | 10,170 | 107 | 70,800 | 4 | (336) | 88,510 | 15.7 | 21/09/2022 |
| CVNM2202 | 150 | 36.4% | 18,260 | 18 | 70,800 | 0 | (150) | 83,500 | 10.0 | 24/06/2022 |
| CVNM2203 | 290 | 0.0% | 13,710 | 70 | 70,800 | 9 | (281) | 81,110 | 20.0 | 15/08/2022 |
| CVNM2204 | 680 | 0.0% | 52,030 | 123 | 70,800 | 252 | (428) | 73,000 | 10.0 | 07/10/2022 |
| CVNM2205 | 610 | -3.2% | 770 | 136 | 70,800 | 52 | (558) | 80,000 | 16.0 | 20/10/2022 |
| CVNM2206 | 880 | 0.0% | 2,870 | 135 | 70,800 | 91 | (789) | 80,000 | 9.0 | 19/10/2022 |
| CVPB2201 | 580 | 0.0% | 7,210 | 106 | 30,600 | 102 | (478) | 37,000 | 5.0 | 20/09/2022 |
| CVPB2202 | 300 | -3.2% | 93,180 | 42 | 30,600 | 13 | (287) | 39,000 | 2.0 | 18/07/2022 |
| CVPB2203 | 500 | 0.0% | 2,490 | 39 | 30,600 | 150 | (350) | 28,890 | 16.0 | 15/07/2022 |
| CVPB2204 | 720 | -14.3% | 1,940 | 162 | 30,600 | 173 | (547) | 30,890 | 16.0 | 15/11/2022 |
| CVPB2205 | 670 | -2.9% | 7,390 | 105 | 30,600 | 110 | (560) | 37,500 | 4.0 | 19/09/2022 |
| CVPB2206 | 1,450 | 5.1% | 180 | 154 | 30,600 | 350 | (1,100) | 38,000 | 2.0 | 07/11/2022 |
| CVRE2201 | 500 | -2.0% | 12,120 | 106 | 29,950 | 278 | (222) | 34,000 | 4.0 | 20/09/2022 |
| CVRE2202 | 20 | 0.0% | 59,200 | 3 | 29,950 | 0 | (20) | 34,900 | 3.0 | 09/06/2022 |

| Mã chứng quyền (*) | Giá đóng cửa (VND) | Thay đổi (%) | KL chứng quyền khớp lệnh | Số ngày tới hạn | Giá CKCS (VND) | Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**) | Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND) | Giá thực hiện quyền (VND) | Tỷ lệ chuyển đổi n:1 | Ngày đáo hạn |
|--------------------|--------------------|--------------|--------------------------|-----------------|----------------|--|--------------------------------------|---------------------------|----------------------|--------------|
| CVRE2203 | 600 | 0.0% | 22,920 | 70 | 29,950 | 177 | (423) | 33,980 | 4.0 | 15/08/2022 |
| CVRE2204 | 510 | 0.0% | 2,730 | 123 | 29,950 | 314 | (196) | 33,000 | 5.0 | 07/10/2022 |
| CVRE2205 | 630 | -1.6% | 40,080 | 77 | 29,950 | 251 | (379) | 32,220 | 5.0 | 22/08/2022 |
| CVRE2206 | 720 | 0.0% | 3,010 | 136 | 29,950 | 212 | (508) | 35,560 | 5.0 | 20/10/2022 |
| CVRE2207 | 530 | 0.0% | 4,510 | 136 | 29,950 | 201 | (329) | 33,330 | 8.0 | 20/10/2022 |
| CVRE2208 | 1,940 | -2.0% | 730 | 154 | 29,950 | 1,115 | (825) | 32,000 | 2.0 | 07/11/2022 |

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

| Mã CK | Sàn | Thị giá | Giá hợp lý * | Ngày ra báo cáo | LNST 2022F (tỷ VND) | EPS 2022F | BV 2022F | PE forward | PB forward |
|---------------------------|-------|---------|--------------|-----------------|---------------------|-----------|----------|------------|------------|
| TPB (New) | HOSE | 30,700 | 39,400 | 03/06/2022 | 5,828 | 3,684 | 20,147 | 10.7 | 2.0 |
| BSR (New) | UPCOM | 29,982 | 32,300 | 01/06/2022 | 9,749 | 3,157 | 15,271 | 10.2 | 2.1 |
| GAS (New) | HOSE | 129,900 | 134,300 | 30/05/2022 | 16,312 | 8,523 | 31,963 | 15.9 | 4.1 |
| LPB (New) | HOSE | 14,400 | 22,200 | 23/05/2022 | 3,730 | 2,480 | 15,646 | 9.0 | 1.4 |
| REE (New) | HOSE | 91,800 | 80,700 | 18/05/2022 | 2,490 | 5,683 | 42,474 | 14.2 | 1.9 |
| GEG | HOSE | 25,400 | 25,800 | 18/05/2022 | 528 | 1,466 | 14,333 | 17.6 | 1.8 |
| POW | HOSE | 13,800 | 15,400 | 18/05/2022 | 2,913 | 1,100 | 15,400 | 14.0 | 1.0 |
| OCB | HOSE | 19,250 | 33,000 | 12/05/2022 | 4,892 | 3,571 | 19,525 | 9.2 | 1.7 |
| MWG | HOSE | 154,700 | 181,500 | 09/05/2022 | 6,512 | 8,893 | 35,734 | 20.4 | 5.1 |
| MSN | HOSE | 117,000 | 164,800 | 09/05/2022 | 8,969 | 5,764 | 28,628 | 28.6 | 5.8 |
| HT1 | HOSE | 16,750 | 24,500 | 04/05/2022 | 414 | 1,083 | 14,020 | 22.7 | 1.8 |
| VHC | HOSE | 109,000 | 120,600 | 28/04/2022 | 1,644 | 9,033 | 38,288 | 13.5 | 3.1 |
| FRT | HOSE | 135,300 | 172,600 | 26/04/2022 | 693 | 8,774 | 28,558 | 19.7 | 6.0 |
| TCM | HOSE | 59,000 | 80,800 | 25/04/2022 | 264 | 3,216 | 21,669 | 25.1 | 3.7 |
| PNJ | HOSE | 125,000 | 138,700 | 22/04/2022 | 1,736 | 7,162 | 30,209 | 19.4 | 4.6 |
| FPT | HOSE | 113,000 | 166,900 | 19/04/2022 | 6,053 | 4,669 | 23,049 | 35.8 | 7.2 |
| STK | HOSE | 55,000 | 81,900 | 14/04/2022 | 2,539 | 4,235 | 22,499 | 19.4 | 3.6 |
| DGW | HOSE | 130,000 | 152,000 | 12/04/2022 | 805 | 9,111 | 28,278 | 16.7 | 5.4 |
| VIB | HOSE | 26,150 | 54,200 | 08/04/2022 | 7,894 | 5,083 | 24,293 | 11.2 | 2.4 |
| MSB | HOSE | 19,800 | 33,100 | 05/04/2022 | 5,314 | 2,676 | 16,082 | 12.4 | 2.1 |
| BAF | HOSE | 31,950 | 76,000 | 24/03/2022 | 405 | 5,187 | 17,468 | 14.6 | 4.4 |
| DHG | HOSE | 91,100 | 134,300 | 18/03/2022 | 814 | 6,226 | 31,238 | 21.6 | 4.3 |
| IMP | HOSE | 65,000 | 88,800 | 18/03/2022 | 241 | 3,606 | 28,946 | 24.6 | 3.1 |
| TRA | HOSE | 94,500 | 122,400 | 18/03/2022 | 297 | 7,159 | 36,066 | 17.1 | 3.4 |
| TNH | HOSE | 40,350 | 60,000 | 18/03/2022 | 191 | 4,592 | 22,208 | 13.1 | 2.7 |
| PLX | HOSE | 44,900 | 67,400 | 07/03/2022 | 4,725 | 5,480 | 21,742 | 12.3 | 3.1 |
| NLG | HOSE | 43,100 | 64,600 | 04/03/2022 | 1,386 | 3,901 | 26,950 | 16.6 | 2.4 |
| VHM | HOSE | 69,300 | 116,600 | 21/02/2022 | 42,179 | 9,768 | 33,679 | 11.9 | 3.5 |
| KDH | HOSE | 40,650 | 55,700 | 21/02/2022 | 1,363 | 2,190 | 16,612 | 25.4 | 3.4 |
| VRE | HOSE | 29,950 | 40,720 | 21/02/2022 | 2,604 | 1,145 | 13,971 | 35.6 | 2.9 |
| PET | HOSE | 45,100 | 45,400 | 17/01/2022 | 303 | 3,253 | 19,339 | 14.0 | 2.3 |
| VNM | HOSE | 70,800 | 110,000 | 17/01/2022 | 11,426 | 5,419 | 18,148 | 21.0 | 6.3 |
| KDC | HOSE | 63,500 | 74,000 | 17/01/2022 | 848 | 3,295 | 33,460 | 27.9 | 2.8 |
| TNG | HNX | 29,200 | 37,700 | 17/01/2022 | 276 | 3,728 | 20,697 | 10.1 | 1.8 |
| MSH | HOSE | 79,000 | 94,100 | 17/01/2022 | 469 | 9,387 | 37,200 | 10.0 | 2.5 |
| MPC | UPCOM | 44,261 | 54,300 | 17/01/2022 | 997 | 4,983 | 30,783 | 10.9 | 1.8 |
| FMC | HOSE | 68,000 | 71,900 | 17/01/2022 | 319 | 5,427 | 25,723 | 13.3 | 2.8 |

| Mã CK | Sàn | Thị giá | Giá hợp lý * | Ngày ra báo cáo | LNST 2022F (tỷ VND) | EPS 2022F | BV 2022F | PE forward | PB forward |
|---------------------|-------|---------|--------------|-----------------|---------------------|-----------|----------|------------|------------|
| ANV | HOSE | 56,600 | 40,400 | 17/01/2022 | 308 | 2,411 | 19,703 | 16.8 | 2.1 |
| CTR | HOSE | 86,900 | 115,600 | 17/01/2022 | 394 | 4,233 | 16,851 | 27.2 | 6.9 |
| NT2 | HOSE | 25,100 | 27,500 | 17/01/2022 | 692 | 2,404 | 15,510 | 11.4 | 1.8 |
| CTD | HOSE | 57,500 | 108,300 | 17/01/2022 | 673 | 9,000 | 115,725 | 12.0 | 0.9 |
| HPG | HOSE | 33,300 | 59,100 | 17/01/2022 | 25,082 | 5,593 | 24,422 | 10.6 | 2.4 |
| GMD | HOSE | 59,800 | 54,800 | 17/01/2022 | 819 | 2,718 | 23,353 | 20.2 | 2.4 |
| LHG | HOSE | 35,200 | 90,000 | 17/01/2022 | 599 | 11,967 | 37,191 | 7.5 | 2.4 |
| KBC | HOSE | 43,750 | 60,400 | 17/01/2022 | 2,456 | 3,966 | 31,212 | 15.2 | 1.9 |
| SZC | HOSE | 55,500 | 59,500 | 17/01/2022 | 300 | 3,000 | 15,961 | 19.8 | 3.7 |
| VCB | HOSE | 79,700 | 116,700 | 17/01/2022 | 23,752 | 6,404 | 38,877 | 18.2 | 3.0 |
| ACB | HOSE | 25,300 | 42,280 | 17/01/2022 | 11,201 | 4,145 | 23,323 | 10.2 | 1.8 |
| TCB | HOSE | 36,050 | 66,500 | 17/01/2022 | 22,687 | 6,482 | 32,590 | 10.1 | 2.0 |
| MBB | HOSE | 27,250 | 36,077 | 17/01/2022 | 14,301 | 3,797 | 19,740 | 9.5 | 1.8 |
| BVH | HOSE | 54,100 | 85,020 | 17/01/2022 | 3,268 | 4,403 | 31,843 | 19.3 | 2.7 |
| PVI | HNX | 49,000 | 59,600 | 17/01/2022 | 1,032 | 4,404 | 35,108 | 13.6 | 1.7 |
| QNS | UPCOM | 46,201 | 53,700 | 06/01/2022 | 1,143 | 3,202 | 22,609 | 18.1 | 2.6 |
| DBC | HOSE | 25,000 | 78,000 | 06/01/2022 | 1,743 | 14,506 | 63,834 | 7.7 | 1.5 |
| BID | HOSE | 34,200 | 54,400 | 02/12/2021 | 12,526 | 3,109 | 28,632 | 17.5 | 1.9 |
| CTG | HOSE | 27,200 | 41,928 | 02/12/2021 | 18,186 | 3,812 | 24,664 | 11.0 | 1.7 |
| VPB | HOSE | 30,600 | 41,525 | 02/12/2021 | 13,910 | 3,076 | 17,302 | 13.5 | 2.4 |
| HDB | HOSE | 25,300 | 36,430 | 02/12/2021 | 6,558 | 3,537 | 19,174 | 10.3 | 1.9 |
| SBT | HOSE | 17,150 | 34,400 | 01/12/2021 | 880 | 1,352 | 14,463 | 25.5 | 2.4 |
| HII | HOSE | 8,930 | 30,500 | 27/10/2021 | 232 | 6,060 | 17,409 | 6.4 | 2.2 |
| LTG | UPCOM | 40,044 | 52,800 | 18/10/2021 | 938 | 11,596 | 48,661 | 5.9 | 1.4 |

Nguồn: PHFM

* Giá hợp lý chưa điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: www.phfm.vn